

NHU CẦU SỬ DỤNG NGUỒN NHÂN LỰC TÂM LÝ HỌC DƯỚI GÓC NHÌN CỦA GIÁO VIÊN TRUNG HỌC PHỔ THÔNG TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH PHÚ THỌ

BÙI THỊ HẢI LINH
LÊ THỊ XUÂN THU
HÀ THANH HUỆ
TRẦN THỊ THÙY DƯƠNG
Khoa Chính trị và Tâm lý giáo dục,
Trường Đại học Hùng Vương, Phú Thọ

Nhận bài ngày 04/9/2025. Sửa chữa xong 10/10/2025. Duyệt đăng 14/10/2025.

Abstract

The demand for psychological human resources in high schools in Phu Tho province is currently very high. However, research findings indicate that the availability of school-based psychology personnel remains insufficient in quantity and limited in professional competence. High schools express a strong desire to have specialized psychological counselors to provide more effective support for students. Based on these findings, the article proposes several solutions aimed at improving training, professional development, and the allocation of psychological human resources in high schools.

Keywords: Human resources, needs, psychology.

1. Đặt vấn đề

Bộ Giáo dục và Đào tạo đã ban hành Thông tư số 31/2017/TT-BGDĐT ngày 18/12/2017 quy định về công tác tư vấn tâm lý cho học sinh (HS) trong các trường phổ thông, khẳng định yêu cầu mỗi cơ sở giáo dục cần tổ chức hoạt động tư vấn, hỗ trợ tâm lý học đường nhằm góp phần xây dựng môi trường giáo dục an toàn, thân thiện và phát triển toàn diện cho HS [5]. Nguồn nhân lực Tâm lý học có ý nghĩa then chốt trong việc tư vấn, tham vấn, định hướng nghề nghiệp và hỗ trợ HS giải quyết các vấn đề tâm lý. Tuy nhiên, tại nhiều địa phương, đặc biệt là các tỉnh trung du và miền núi như Phú Thọ, đội ngũ chuyên viên tâm lý trong trường học vẫn còn thiếu và chưa được sử dụng hiệu quả. Từ thực tiễn đó, bài báo tập trung phân tích nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực Tâm lý học dưới góc nhìn của giáo viên THPT tỉnh Phú Thọ, đồng thời đề xuất một số giải pháp nhằm nâng cao hiệu quả sử dụng và phát triển đội ngũ này, góp phần đáp ứng yêu cầu đổi mới căn bản, toàn diện giáo dục và đào tạo hiện nay.

2. Nội dung nghiên cứu

2.1. Khái niệm nhu cầu

Trong tâm lý học, khái niệm nhu cầu được tiếp cận dưới nhiều góc độ khác nhau, tùy thuộc vào nghiên cứu của từng tác giả trong và ngoài nước. Mỗi quan điểm đều góp phần lý giải bản chất của nhu cầu và vai trò của nó trong việc định hướng hành vi con người.

Trong nghiên cứu của mình, Abraham Maslow đã xây dựng một mô hình nổi tiếng về nhu cầu, được hình dung như một “chiếc thang” hoặc “chuỗi bậc thang liên tục, từ đơn giản đến phức tạp, từ cơ bản đến cao cấp. Dựa trên tính đòi hỏi và thứ tự phát sinh, ông chia nhu cầu thành 5 nhóm chính: 1) Nhu cầu sinh lý; 2) Nhu cầu an toàn; 3) Nhu cầu tình cảm và được chấp nhận; 4) Nhu cầu được tôn trọng; 5) Nhu cầu tự thể hiện bản thân. Con người muốn vươn tới đỉnh cao của chiếc thang nhu cầu – tức mức

Email: Builinhpt82@gmail.com

độ phát triển hoàn thiện – thì phải bắt đầu từ việc đáp ứng những nhu cầu cơ bản ở “chân thang” [dẫn theo 1].

Tại Việt Nam, nhiều học giả cũng có những cách lý giải riêng về khái niệm nhu cầu. Theo Phạm Minh Hạc, “Nhu cầu là một thuộc tính của nhân cách, phản ánh mối quan hệ tích cực của cá nhân với hoàn cảnh, biểu hiện ở những đòi hỏi cần được thỏa mãn trong những điều kiện nhất định để cá nhân có thể tồn tại và phát triển” [2]. Trong khi đó, trong Từ điển tâm lý học, Vũ Dũng cho rằng: “Nhu cầu là trạng thái của cá nhân xuất phát từ nhận thức về sự cần thiết của các đối tượng nhằm phục vụ cho sự tồn tại và phát triển, đồng thời là nguồn gốc tích cực của hoạt động cá nhân” [1, tr. 190]. Ở một cách diễn đạt khác, trong Từ điển của Nguyễn Khắc Viện (2001) có nêu: “Nhu cầu là điều cần thiết để đảm bảo tồn tại và phát triển. Khi nhu cầu được thỏa mãn thì con người cảm thấy dễ chịu; ngược lại, nếu không được thỏa mãn thì sẽ sinh ra khó chịu, căng thẳng và ảm ức” [4, tr. 266]. Còn theo Nguyễn Quang Uẩn, “Nhu cầu là sự đòi hỏi tất yếu mà con người cảm thấy cần được thỏa mãn để tồn tại và phát triển” [3].

Từ những quan niệm trên, có thể đi đến nhận định: *Nhu cầu là sự đòi hỏi tất yếu mà con người cảm thấy cần phải được thỏa mãn để bảo đảm sự tồn tại và phát triển của bản thân.*

2.2. Khái quát chung về khảo sát

- Nội dung khảo sát: Tìm hiểu nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực Tâm lý học tại các trường THPT dưới góc nhìn của giáo viên (GV) phổ thông.

- Phương pháp khảo sát: Khảo sát bằng bảng hỏi qua Google Forms. Câu hỏi được gửi tới 246 GV đang giảng dạy tại các trường THPT trên địa bàn tỉnh Phú Thọ. Số lượng được phản hồi là 246 phiếu.

- Thời gian khảo sát: Tháng 9 năm 2025

- Thang đo và xử lý số liệu: Sử dụng thang thứ bậc Likert (thang 5 mức độ) để khảo sát về nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực Tâm lý học ở các trường THPT dưới góc nhìn từ GV. Với thang điểm đánh giá tương ứng từ 1-5 điểm. Các dữ liệu thu được qua xử lý, phân tích bằng phần mềm SPSS, bao gồm điểm trung bình (ĐTB), trung bình chung (TBC), độ lệch chuẩn (ĐLC) trên mẫu GV được điều tra.

Để đảm bảo cơ sở dữ liệu có tính đại diện và phản ánh khách quan kết quả nghiên cứu, nhóm tác giả tiến hành khảo sát 246 khách thể là GV trung học phổ thông trên địa bàn tỉnh. Một số thông tin cơ bản về đặc điểm nhân khẩu học của khách thể được trình bày trong bảng 1 dưới đây.

Bảng 1: Thông tin chung về khách thể nghiên cứu (N = 246)

TT	Yếu tố		Số lượng	Tỷ lệ (%)
1	Giới tính	Nam	127	51,6
		Nữ	119	48,4
2	Thâm niên	Dưới 10 năm	61	24,7
		Từ 10 – 20 năm	111	45,12
		Trên 20 năm	74	30,18
3	Môn dạy	Khoa học tự nhiên	115	46,9
		Khoa học xã hội	95	38,6
		Thể chất – Âm nhạc – mỹ thuật	36	14,5

Bảng 1 thể hiện đặc điểm chung của 246 khách thể tham gia nghiên cứu. Tỷ lệ nam và nữ lần lượt là 51,6% và 48,4%, cho thấy cơ cấu giới tương đối cân bằng. Về thâm niên công tác, nhóm GV có từ 10–20 năm kinh nghiệm chiếm tỷ lệ cao nhất (45,12%), tiếp đến là nhóm trên 20 năm (30,18%) và dưới 10 năm (24,7%). Xét theo môn giảng dạy, nhóm khoa học tự nhiên chiếm tỷ lệ lớn nhất (46,9%), tiếp theo là khoa học xã hội (38,6%) và thể chất – âm nhạc – mỹ thuật (14,5%). Cơ cấu này phản ánh sự đa dạng và tính đại diện cao của mẫu khảo sát, phù hợp với đặc điểm đội ngũ GV trung học phổ thông hiện nay.

Để đảm bảo độ tin cậy của công cụ khảo sát, nhóm nghiên cứu tiến hành kiểm định thang đo “Nhu cầu nhân lực ngành Tâm lý học” thông qua hệ số Cronbach’s Alpha. Kết quả kiểm định được trình bày trong bảng 2.

Bảng 2: Kết quả kiểm định độ tin cậy Cronbach'Alpha thang đo nhu cầu nhân lực ngành Tâm lý học

Thang đo	Hệ số Cronbach'Alpha thang đo		Số lượng Items
	0,854		6
Kí hiệu	Nội dung biến quan sát	Hệ số tương quan biến tổng	Hệ số Cronbach'Alpha
C1.1	Vai trò nhân lực Tâm lý học trong giáo dục phổ thông là rất cần thiết	0,515	0,851
C1.2	Tôi cho rằng: “Học sinh rất mong muốn được theo học ngành Tâm lý học”.	0,713	0,817
C1.3	Tôi sẵn sàng tư vấn hướng nghiệp cho học sinh của mình về ngành Tâm lý học.	0,722	0,821
C1.4	Tôi mong muốn sẵn sàng phối hợp với chuyên gia tâm lý học để hỗ trợ công tác tư vấn tâm lý học đường.	0,734	0,819
C1.5	Nhu cầu lựa chọn ngành Tâm lý học của HS phụ thuộc nhiều vào dư luận xã hội.	0,566	0,856
C1.6	Tôi mong muốn có sự liên kết quốc tế trong đào tạo ngành Tâm lý học.	0,734	0,814

Sau khi kiểm định độ tin cậy, thang đo “Nhu cầu nhân lực ngành Tâm lý học” được tiến hành phân tích nhân tố khám phá (EFA) nhằm xác định cấu trúc tiềm ẩn và mức độ hội tụ của các biến quan sát. Kết quả cho thấy chỉ số KMO đạt giá trị lớn hơn 0,5 và kiểm định Bartlett's Test có ý nghĩa thống kê (Sig. < 0,05), chứng tỏ dữ liệu hoàn toàn phù hợp để phân tích nhân tố. Phép trích nhân tố sử dụng phương pháp Principal Component Analysis với phép quay Varimax cho thấy các biến quan sát đều có hệ số tải nhân tố (Factor loading) lớn hơn 0,5 đảm bảo tiêu chuẩn hội tụ và phân biệt.

2.3. Nhu cầu sử dụng nguồn nhân lực Tâm lý học dưới góc nhìn của giáo viên trung học phổ thông

Để làm rõ nhận thức và nhu cầu sử dụng nhân lực ngành Tâm lý học trong giáo dục phổ thông, nhóm nghiên cứu tiến hành thống kê, xử lý và phân tích các dữ liệu thu được từ 246 phiếu khảo sát GV trung học phổ thông. Các kết quả được trình bày qua bảng số liệu ở bảng 3.

Bảng 3: Các yếu tố khẳng định vai trò của ngành Tâm lý học (N = 246)

TT	Nội dung khảo sát	ĐTB	Std.D	Thứ bậc
1	Vai trò nhân lực Tâm lý học trong giáo dục phổ thông là rất cần thiết	4,42	0,542	1
2	Tôi cho rằng: “Học sinh rất mong muốn được theo học ngành Tâm lý học”.	3,92	0,762	4
3	Tôi sẵn sàng tư vấn hướng nghiệp cho học sinh của mình về ngành Tâm lý học.	4,22	0,495	3
4	Tôi mong muốn sẵn sàng phối hợp với chuyên gia tâm lý học để hỗ trợ công tác tư vấn tâm lý học đường.	4,30	0,508	2
5	Nhu cầu lựa chọn ngành Tâm lý học của học sinh phụ thuộc nhiều vào dư luận xã hội.	3,87	0,825	5
6	Tôi mong muốn có sự liên kết quốc tế trong đào tạo ngành Tâm lý học.	4,22	0,586	3

Kết quả khảo sát cho thấy nhận thức của GV về vai trò của ngành Tâm lý học nhìn chung ở mức cao, với điểm trung bình các biến dao động từ 3,87 đến 4,42. Nội dung có điểm trung bình (ĐTB) cao nhất là “Vai trò nhân lực Tâm lý học trong giáo dục phổ thông là rất cần thiết” (ĐTB = 4,42; SD = 0,542), cho thấy sự đồng thuận mạnh mẽ của GV về tầm quan trọng của đội ngũ nhân lực này trong trường học. Các nội dung “Phối hợp với chuyên gia tâm lý học trong công tác tư vấn học đường” (ĐTB = 4,30) và “Sẵn sàng tư vấn hướng nghiệp cho học sinh về ngành Tâm lý học” (ĐTB = 4,22) cũng đạt mức cao, thể hiện sự chủ động và thái độ tích cực của GV trong việc hỗ trợ và định hướng nghề nghiệp cho HS.

Ngược lại, hai yếu tố có điểm trung bình thấp hơn là “Nhu cầu lựa chọn ngành Tâm lý học của HS phụ thuộc vào dư luận xã hội” (ĐTB = 3,87) và “HS rất mong muốn được theo học ngành Tâm lý học” (ĐTB = 3,92). Điều này cho thấy GV nhận định sự quan tâm của HS đối với ngành Tâm lý học còn ở mức trung bình khá và chịu tác động từ yếu tố xã hội.

Kết quả nghiên cứu cho thấy, đội ngũ GV đánh giá cao vai trò của nguồn nhân lực ngành Tâm lý học trong giáo dục phổ thông, đồng thời thể hiện rõ nhu cầu sử dụng đội ngũ này trong nhà trường. Điều đó cũng cho thấy sự cần thiết của việc đào tạo cử nhân Tâm lý học để đáp ứng yêu cầu chung của xã hội.

Kết quả phỏng vấn sâu GV trung học phổ thông cho thấy những nhận định nhất quán với kết quả khảo sát định lượng trình bày ở bảng 3. Phần lớn GV đều khẳng định tầm quan trọng và tính cấp thiết của nguồn

nhân lực Tâm lý học trong nhà trường phổ thông, đặc biệt trong việc hỗ trợ tư vấn học đường, định hướng hành vi và giải quyết các khó khăn tâm lý của HS. Một GV chia sẻ: “Chuyên gia tâm lý học là cầu nối giúp học sinh cân bằng cảm xúc và giúp giáo viên hiểu học trò hơn; điều này thực sự cần thiết trong bối cảnh hiện nay”.

Một GV tại Trường THPT Việt Trì chia sẻ: “Nhiều HS gặp căng thẳng, khủng hoảng cảm xúc, đặc biệt là giai đoạn cuối cấp. Tuy nhiên, trường chưa có cán bộ tâm lý chuyên trách, nên GV chủ nhiệm phải kiêm nhiệm, đôi khi không đủ chuyên môn để hỗ trợ các em.”

Trong khi đó, một GV ở huyện miền núi Thanh Sơn cho biết: “Ở khu vực chúng tôi, phụ huynh và HS còn e ngại khi nhắc đến tư vấn tâm lý, họ cho rằng đó là ‘chuyện cá nhân’. Nếu có chuyên gia tâm lý chính thức trong trường, tôi tin các em sẽ cởi mở hơn và vấn đề sẽ được giải quyết kịp thời”.

Nhiều GV cũng cho rằng nhu cầu nhân lực Tâm lý học không chỉ phục vụ HS mà còn hỗ trợ GV trong quản lý lớp học, xử lý xung đột, và cải thiện kỹ năng giao tiếp sư phạm. Một số ý kiến đề xuất nên có phòng tham vấn tâm lý riêng, hoạt động thường xuyên và có sự kết nối giữa nhà trường – phụ huynh – chuyên gia.

Nhìn chung, sự thống nhất giữa kết quả định lượng và định tính cho thấy nhu cầu phát triển nguồn nhân lực Tâm lý học trong giáo dục phổ thông là khách quan và có cơ sở thực tiễn vững chắc. Để đáp ứng nhu cầu ngày càng gia tăng này các trường đại học cần đào tạo chuyên ngành Tâm lý học, qua đó góp phần nâng cao hiệu quả giáo dục toàn diện cho HS trong giai đoạn hiện nay.

Nhằm làm rõ quan điểm của đội ngũ GV về vai trò của nhân lực Tâm lý học trong trường phổ thông, chúng tôi tổng hợp ý kiến đánh giá liên quan đến mức độ cần thiết và hiệu quả của việc bố trí vị trí này. Kết quả được thể hiện trong bảng số 4.

Bảng 4: Nhận thức của giáo viên về sự cần thiết và hiệu quả của việc bố trí nhân lực Tâm lý học trong trường THPT

TT	Nội dung khảo sát	ĐTB	SD	Thứ bậc
1	Cần thiết phải có chuyên viên tâm lý học đường trong mỗi trường THPT	4,45	0,517	1
2	Có chuyên viên tâm lý học đường giúp giảm áp lực và xung đột trong HS	4,32	0,564	2
3	Công tác tư vấn tâm lý hiện nay chủ yếu do GV kiêm nhiệm, hiệu quả chưa cao	4,18	0,606	4
4	Nhà trường nên có phòng tư vấn tâm lý hoạt động độc lập và thường xuyên	4,25	0,543	3
5	Nếu có chuyên viên tâm lý học, GV sẽ được hỗ trợ tốt hơn trong quản lý lớp học	4,16	0,632	5
6	Việc bố trí chuyên viên tâm lý học đường góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện	4,34	0,491	2

Kết quả cho thấy, đa số GV đều nhận thức rõ tầm quan trọng và tính cấp thiết của việc bố trí chuyên viên tâm lý học đường trong trường THPT. Chỉ báo có điểm trung bình cao nhất (ĐTB = 4,45) là “Cần thiết phải có chuyên viên tâm lý học đường trong mỗi trường THPT”, thể hiện sự đồng thuận gần như tuyệt đối của GV về nhu cầu nhân lực này. Các nội dung “Có chuyên viên tâm lý học đường giúp giảm áp lực và xung đột trong học sinh” (ĐTB = 4,32) và “Việc bố trí chuyên viên tâm lý học đường góp phần nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện” (ĐTB = 4,34) đều có điểm trung bình trên 4,3, chứng tỏ GV nhìn nhận rõ mối liên hệ giữa tâm lý học đường và chất lượng giáo dục. Đáng chú ý, mục “Công tác tư vấn tâm lý hiện nay chủ yếu do GV kiêm nhiệm, hiệu quả chưa cao” (ĐTB = 4,18) phản ánh thực trạng phổ biến hiện nay tại Phú Thọ - đa số trường chưa có chuyên viên tâm lý chuyên trách nên GV chủ nhiệm hoặc đoàn thanh niên phải kiêm nhiệm mà chưa có kỹ năng chuyên môn phù hợp. Ngoài ra, GV đánh giá cao tác dụng hỗ trợ gián tiếp của chuyên viên tâm lý đối với công tác quản lý lớp học (ĐTB = 4,16), thể hiện nhu cầu phối hợp giữa GV bộ môn – GV chủ nhiệm – chuyên viên tâm lý để cùng hỗ trợ HS.

Từ kết quả này, có thể khẳng định rằng nhu cầu sử dụng nhân lực Tâm lý học trong các trường THPT không chỉ đến từ mong muốn hỗ trợ HS mà còn là nhu cầu thực tế của đội ngũ GV trong việc nâng cao hiệu quả giảng dạy, giáo dục và quản lý HS.

Khi đối chiếu kết quả ở bảng 3 (nhận thức chung về vai trò ngành Tâm lý học) và bảng 4 (mức độ cần thiết, hiệu quả bố trí nhân lực tâm lý học đường), có thể thấy: Mức độ đồng thuận cao và nhất quán giữa các nhóm nội dung khảo sát, thể hiện nhu cầu phát triển nhân lực Tâm lý học là khách quan, rõ ràng và có cơ sở thực tiễn mạnh mẽ. GV không chỉ nhận thức được tầm quan trọng của công tác tư vấn tâm lý, mà còn

mong muốn được phối hợp chặt chẽ với đội ngũ chuyên gia để nâng cao hiệu quả giáo dục HS. Điều này đặt ra yêu cầu bức thiết đối với các cơ sở đào tạo đại học và cơ quan quản lý giáo dục trong việc xây dựng chiến lược đào tạo, bồi dưỡng và bố trí nhân lực Tâm lý học đường phù hợp với đặc thù từng địa phương.

2.4. Nguyên nhân thực trạng

Tình trạng thiếu hụt nhân lực chuyên trách về tâm lý học đường. Hiện nay, phần lớn các trường THPT trên địa bàn tỉnh Phú Thọ chưa bố trí được chuyên gia tâm lý học có trình độ chuyên môn phù hợp, trong khi đội ngũ GV kiêm nhiệm chưa được đào tạo bài bản về tham vấn, can thiệp hay hỗ trợ HS gặp khó khăn tâm lý. Khoảng trống này làm cho nhu cầu nhân lực tâm lý trong nhà trường trở nên bức thiết và thường xuyên. Sự thiếu hụt về cơ chế chính sách và nguồn lực tài chính dành cho công tác tâm lý học đường. Hiện tại, chưa có những văn bản quy định rõ ràng về vị trí việc làm, tiêu chuẩn năng lực hay tỷ lệ chuyên gia tâm lý/HS. Bên cạnh đó, kinh phí dành cho hoạt động tư vấn tâm lý chưa được phân bổ riêng, khiến nhà trường khó triển khai các hoạt động một cách hệ thống. Nhiều cán bộ quản lý, GV và phụ huynh chưa đánh giá đúng mức tầm quan trọng của hoạt động này; đồng thời, định kiến xã hội khiến HS ngại tìm đến dịch vụ tư vấn. Chính điều này làm cho nhu cầu thực sự chưa được bộc lộ đầy đủ và chưa được đáp ứng kịp thời. Chế độ đãi ngộ và điều kiện làm việc dành cho chuyên gia tâm lý học đường chưa thực sự hấp dẫn. Thu nhập còn thấp, môi trường làm việc thiếu cơ hội phát triển nghề nghiệp và thiếu cơ chế khuyến khích đặc thù đã làm giảm sức hút của vị trí này, đặc biệt là ở các khu vực nông thôn, miền núi.

2.5. Biện pháp

Xây dựng cơ chế tuyển dụng, bố trí ít nhất một chuyên gia tâm lý tại mỗi trường THPT, đồng thời thúc đẩy liên kết với trường Đại học đồng để tạo nguồn nhân lực kế cận. Điều này giúp đảm bảo rằng HS luôn có điểm tựa hỗ trợ tâm lý chính thức, đồng thời giảm tải áp lực kiêm nhiệm cho GV.

Hoàn thiện hành lang pháp lý và cơ chế quản lý, trong đó quy định rõ chức năng, nhiệm vụ và tiêu chuẩn nghề nghiệp của chuyên gia tâm lý học đường. Đồng thời, cần phân bổ ngân sách ổn định cho hoạt động tư vấn tâm lý, đồng thời khuyến khích xã hội hóa nguồn lực thông qua sự tham gia của tổ chức, phụ huynh và cộng đồng.

Tăng cường công tác truyền thông, tập huấn và tổ chức các hoạt động ngoại khóa nhằm nâng cao nhận thức của cộng đồng giáo dục và phụ huynh về vai trò của tâm lý học đường. Thông qua đó, từng bước giảm thiểu định kiến, bình thường hóa việc tiếp cận dịch vụ tâm lý và khuyến khích HS sử dụng các dịch vụ hỗ trợ một cách chủ động.

Cải thiện chính sách đãi ngộ thông qua tăng cường thu nhập, bổ sung chế độ phụ cấp, đồng thời xây dựng môi trường làm việc chuyên nghiệp và tạo cơ hội đào tạo, bồi dưỡng nâng cao năng lực. Riêng đối với khu vực khó khăn, cần có chính sách ưu tiên và hỗ trợ đặc thù để thu hút và giữ chân đội ngũ nhân lực chất lượng cao.

3. Kết luận

Kết quả nghiên cứu khẳng định GV trung học phổ thông tại tỉnh Phú Thọ nhận thức rõ tầm quan trọng và tính cấp thiết của việc bố trí nhân lực Tâm lý học trong nhà trường. Đội ngũ này được xem là yếu tố hỗ trợ hiệu quả cho công tác tư vấn học đường, quản lý lớp học và nâng cao chất lượng giáo dục toàn diện. Tuy nhiên, thực trạng thiếu chuyên viên tâm lý, cơ chế chính sách chưa đồng bộ và định kiến xã hội vẫn là những rào cản lớn. Do đó, cần sớm hoàn thiện cơ chế tuyển dụng, đào tạo và chính sách đãi ngộ, đồng thời tăng cường truyền thông để nâng cao nhận thức cộng đồng về vai trò của công tác tâm lý học đường.

Tài liệu tham khảo

[1] World Health Organization. (2022). *Mental health atlas 2020*. WHO.

[2] Nguyễn Đức Sơn (2017). *Đổi mới đào tạo tâm lý học trong bối cảnh hội nhập quốc tế*. Tạp chí Khoa học Giáo dục, 140 (2), 45–52.

[3] Hilgard, E. R. (1980). *Introduction to Psychology*, Harcourt Brace Jovanovich, New York.

[4] Nguyễn Quang Uẩn (2005). *Giáo trình Tâm lý học đại cương*, NXB Đại học Sư phạm, Hà Nội.

[5] Bộ Giáo dục và Đào tạo (2017). *Thông tư 31/2017/TT-BGDĐT, ngày 18/12/2017 về công tác tư vấn tâm lý cho học sinh trong trường phổ thông*.